

Số: 1507729

|                                                | Mazda3 Sport 1.5L Luxury | Kia New Seltos 1.5L Luxury |
|------------------------------------------------|--------------------------|----------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                           | <b>659.000.000đ</b>      | <b>699.000.000đ</b>        |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>                |                          |                            |
| Kích thước tổng thể (mm)                       | 4660 x 1795 x 1435       | 4365 x 1800 x 1645         |
| Chiều dài cơ sở (mm)                           | 2725                     | 2610                       |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)              | 5300                     | 5300                       |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                        | 145                      | 190                        |
| Khối lượng không tải (kg)                      | 1340                     | 1234                       |
| Khối lượng toàn tải (kg)                       | 1790                     | 1690                       |
| Thể tích khoang hành lý (L)                    | 334                      | 433                        |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)                 | 51                       | 50                         |
| Số chỗ ngồi                                    | 5                        | 5                          |
| Nguồn gốc                                      | SX-LR trong nước         | SX-LR trong nước           |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>                   |                          |                            |
| Loại động cơ                                   | Skyativ-G 1.5L           | Smartstream 1.5G           |
| Dung tích xi lanh (cc)                         | 1496                     | 1497                       |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)                   | 110 / 6000               | 113 Hp/ 6.300 rpm          |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)                  | 146 / 3500               | 144 Nm/ 4.500 rpm          |
| Hộp số                                         | 6AT                      | Hộp số vô cấp CVT          |
| Hệ thống dẫn động                              | Cầu trước (FWD)          | Cầu trước (FWD)            |
| Hệ thống treo trước                            | Độc lập Mc Pherson       | McPherson                  |
| Hệ thống treo sau                              | Thanh xoắn               | Thanh cân bằng             |
| Hệ thống phanh trước                           | Đĩa                      | Đĩa                        |
| Hệ thống phanh sau                             | Đĩa                      | Đĩa                        |
| Thông số lốp xe                                | 205/60 R16               | 215/60 R17                 |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)           | 7.86                     | n/a                        |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km)     | 4.88                     | n/a                        |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)          | 5.98                     | n/a                        |
| Hệ thống dừng/Khởi động động cơ thông minh     | ●                        | -                          |
| Chế độ lái                                     | Normal/Sport             | Normal/Eco/Sport           |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                             |                          |                            |
| Cụm đèn trước                                  | LED                      | LED                        |
| Đèn trước tự động bật/tắt                      | ●                        | ●                          |
| Đèn trước chức năng tự động cân bằng góc chiếu | ●                        | -                          |
| Cụm đèn sau                                    | LED                      | LED                        |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện           | ●                        | ●                          |
| Gạt mưa tự động                                | ●                        | -                          |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>                   |                          |                            |
| Vô lăng bọc da                                 | ●                        | ●                          |
| Chất liệu ghế                                  | Da                       | Da                         |
| Ghế người lái chỉnh điện                       | ●                        | ●                          |
| Ghế người lái có nhớ vị trí                    | ●                        | -                          |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ             | ●                        | ●                          |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                         | ●                        | ●                          |

|                                    |                  |                |
|------------------------------------|------------------|----------------|
| Màn hình đồng hồ đa thông tin      | Analog & Digital | 4.2"           |
| Màn hình giải trí trung tâm        | 8.8              | 10.25"         |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto | ●                | ●              |
| Hệ thống điều hòa tự động          | ●                | ●              |
| Số vùng khí hậu điều hòa           | 2                | Tự động 2 vùng |
| Cửa gió cho hàng ghế sau           | ●                | ●              |
| Chìa khóa thông minh               | ●                | ●              |
| Khởi động nút bấm                  | ●                | ●              |
| Hệ thống âm thanh                  | 8 loa            | 6 loa          |
| Lấy chuyển số                      | ●                | -              |
| Phanh đỗ điện tử                   | ●                | -              |
| Giữ phanh tự động Autohold         | ●                | -              |
| Rèm che nắng                       | -                | -              |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX         | ●                | ●              |

#### **AN TOÀN:**

|                                            |     |     |
|--------------------------------------------|-----|-----|
| Số túi khí                                 | 7   | 2   |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS           | ●   | ●   |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD           | ●   | ●   |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA          | ●   | ●   |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS       | ●   | ●   |
| Hệ thống cân bằng điện tử                  | ●   | ●   |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS | ●   | ●   |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA    | ●   | ●   |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa            | ●   | ●   |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm               | ●   | n/a |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                      | Sau | ●   |
| Hệ thống điều khiển hành trình             | ●   | -   |
| Camera lùi                                 | ●   | ●   |